HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82 /2018/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 3698/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

1. Đối với địa bàn huyện Đam Rông và các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135:

a) Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tối đa không quá 350 triệu đồng/dự án.

b) Mức chi hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp:

- Hộ nghèo: Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ/dự án;

- Hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo: Mức hỗ trợ tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ/dự án;

Trong giai đoạn 2016 - 2020, mỗi hộ gia đình được hỗ trợ tối đa không quá 02 dự án.

c) Mức hỗ trợ cho dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Mức hỗ trợ tối đa bằng 50% tổng chi phí theo hợp đồng thuê, mua sắm, sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ và tối đa không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã.

d) Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản, mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định loại mô hình, quy mô mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình và các nội dung chi thực hiện mô hình theo chế độ và định mức chi tiêu hiện hành.

e) Mức chi xây dựng và quản lý dự án: Bằng 5% tổng kinh phí thực hiện dự án nhưng không quá 5% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

2. Đối với địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135:

Mức chi hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bằng 70% mức chi hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã thuộc huyện Đam Rông và xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho hộ nghèo thuộc dân tộc ít người và hộ nghèo tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn:

a) Loại phương tiện hỗ trợ: Ti vi màu cỡ 32 inch (bao gồm cả thiết bị thu tín hiệu truyền hình và chi phí lắp đặt) hoặc radio.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần bằng hiện vật.

c) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 5.000.000 đồng/ti vi; không quá 500.000 đồng/radio.

4. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã: 2.000.000 đồng/xã/năm.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khoá IX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VP Quốc Hội, VP Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; LĐ,TB và XH; NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chi cục VT, LT tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Quận

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÂM ĐỒNG

Người ký: Sở Tư Pháp
Email: stp@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng